

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/TT-UBND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ
kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH BẮC GIANG

Số: 1550
ĐẾN Ngày: 19/3/2021
Chuyên: TL. Ký hợp. LS

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 23/11/2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 102/2020/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026; Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 08/01/2021. Tại Khoản 1, khoản 2 Điều 4 quy định: “1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 2 Thông tư này: Căn cứ mức kinh phí quy định tại Điều 3 Thông tư này, căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương đảm bảo theo thông báo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống nhất với Chủ tịch UBND cùng cấp trình HĐND cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi, thời gian được hỗ trợ cụ thể tại địa phương.

2. Đối với các nhiệm vụ chi có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã quy định: Căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo và quy định tại Thông tư này, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi cụ thể tại địa phương”.

Căn cứ quy định nêu trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021

– 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết đề cụ thể hóa mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện đảm bảo thống nhất, đúng quy định.

2. Quan điểm

Nghị quyết được xây dựng đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 03/11/2020 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh đã lập đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 42/HĐND-TH ngày 02/02/2021.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đã gửi các cơ quan, đơn vị như: Mặt trận Tổ quốc, Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến. Các cơ quan, đơn vị cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết do Sở Tài chính chủ trì xây dựng.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại báo cáo số 27/BC-STP ngày 05/02/2021.

IV. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sử dụng nguồn kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 của tỉnh Bắc Giang.

V. Bộ cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 05 Điều và 1 phụ lục kèm theo:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- Điều 2: Mức chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Điều 3: Thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử.

- Điều 4: Kinh phí và trách nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bầu cử.

- Điều 5: Tổ chức thực hiện.

- Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản dự thảo của Nghị quyết:

- Nội dung chi đảm bảo theo nội dung tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

- Mức chi: Đối với cấp tỉnh: mức chi cơ bản bằng mức chi tại Trung ương; đối với cấp huyện bằng khoảng 70% mức chi tại tỉnh; cấp xã bằng khoảng 70% mức chi tại huyện.

- Ngoài ra:

+ Bổ sung nội dung và mức chi cho Ban Chỉ đạo bầu cử: Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020, không quy định nội dung và mức chi cho Ban Chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026. Tuy nhiên, Ban Chỉ đạo bầu cử là những cán bộ trong Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, là Ban quan trọng trong công tác bầu cử, có nhiệm vụ lãnh đạo công tác bầu cử, chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử. Do vậy, Sở Tài chính dự kiến xây dựng nội dung và mức chi cho đối tượng này, và mức chi bằng mức chi của Ủy ban bầu cử.

+ Bổ sung nội dung và mức chi cho Tổ chuyên viên giúp việc: Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020, không quy định nội dung và mức chi cho Tổ chuyên viên giúp việc. Tuy nhiên, tổ chuyên viên giúp việc có nhiệm vụ giúp cơ quan thường trực Ủy ban bầu cử cấp tỉnh và cấp huyện để xử lý những công việc phát sinh trong bầu cử như: lấy ý kiến cử tri cho từng ứng viên, trực báo cáo, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình bầu cử, tổng hợp, kiểm soát phiếu bầu. Do vậy, Sở Tài chính dự kiến xây dựng nội dung và mức chi cho đối tượng này từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng/người/tháng. Ngoài ra nội dung này chỉ áp dụng đối với cấp tỉnh và cấp huyện, do cấp xã theo quy định số lượng cán bộ công chức cấp xã có từ 19 đến 23 người, các đối tượng này đã có trong ban chỉ đạo, các ủy ban bầu cử, các tiểu ban bầu cử, do vậy sẽ không còn đối tượng cán bộ công chức thuộc nội dung tổ chuyên viên giúp việc.

Cụ thể mức chi: Theo phụ biểu kèm theo Tờ trình này.

3. Cơ sở đề xuất mức chi

Tỉnh Bắc Giang có 01 Ban chỉ đạo Bầu cử cấp tỉnh, 01 Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; 10 huyện, thành phố tương đương 10 ủy ban bầu cử cấp huyện; 209 xã, phường, thị trấn tương đương 209 ủy ban bầu cử cấp xã

và khoảng 2.102 tổ bầu cử. Do đó, trên cơ sở nguồn lực và khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh, Sở Tài chính đề xuất mức chi đối với cấp tỉnh bằng mức chi tại Trung ương quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC; đối với cấp huyện bằng khoảng 70% mức chi tại tỉnh; đối với cấp xã bằng khoảng 70% mức chi tại huyện. Với mức chi này, tổng kinh phí phải bố trí khoảng 46 tỷ đồng. Trong đó, dự kiến ngân sách trung ương hỗ trợ 26 tỷ đồng, ngân sách địa phương đảm bảo 20 tỷ đồng. Tại Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, UBND tỉnh đã dự toán kinh phí bầu cử khoảng 20 tỷ đồng.

VI. Những vấn đề xin ý kiến

Các quy định trong dự thảo Nghị quyết thực hiện theo quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn. Đến nay, dự thảo Nghị quyết không có nội dung nào còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo tổng hợp ý kiến của các đơn vị; (4) Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; (5) Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính).

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp, HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐDBQH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



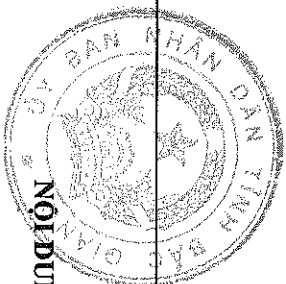
Phan Thế Tuấn



MỨC CHI VÀ THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Tờ trình số 68 /TT-UBND ngày 11/03/2021 của UBND tỉnh)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐVT	MỨC CHI						
			Theo Quyết định 298/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh			Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ tại Dự thảo NQ HĐND		
			Tỉnh	Huyện	Xã		Tỉnh	Huyện	Xã
I	Mức chi								
1	Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng; chi tổ chức tập huấn phục vụ công tác bầu cử		Theo mức chi quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành						
2	Chi bồi dưỡng cuộc họp								
a)	Chi bồi dưỡng các cuộc họp Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp								
-	Chi trị cuộc họp:	Đồng/người/buổi	150.000	100.000	50.000	200.000	200.000	150.000	100.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	100.000	50.000	50.000	100.000	100.000	70.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
b)	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:		Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:						
-	Trưởng đoàn giám sát:	Đồng/người/buổi	150.000	100.000	50.000	200.000	200.000	150.000	100.000
-	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	100.000	100.000	50.000	100.000	100.000	70.000	50.000

TT	NỘI DUNG CHI	ĐVT	MỨC CHI								
			Theo Quyết định 298/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh			Thông tư số 102/2020/TT-BTC					
			Tỉnh	Huyện	Xã	Tỉnh	Huyện	Xã			
-	Các đối tượng phục vụ + Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát + Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	Đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000						
3	Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử						80.000	60.000	50.000		50.000
a)	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử;		Theo mức chi quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành								
b)	Chi xây dựng các văn bản liên quan đến công tác bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý), gồm: Kế hoạch; Chi thị; Nghị quyết; văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử; báo cáo tổng hợp kết quả của cuộc kiểm tra, giám sát; báo cáo sơ kết, tổng kết										
-	Xây dựng văn bản	Đồng/văn bản	800.000	500.000	300.000		2.500.000	1.400.000	900.000		
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:		Tổng mức chi xin ý kiến tối đa 1.000.000đ/người/vb								
+	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Đồng/người/lần	mức chi 100.000 đ/người/lần								
+	Xin ý kiến bằng văn bản các chuyên gia	Đồng/người/lần	mức chi 300.000 đ/người/lần								
4	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử										
a)	Bồi dưỡng theo mức khoán (theo tháng) đối với các đối tượng sau:										
-	Trưởng Ban, Phó trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu	Đồng/người/tháng	1.000.000	700.000	500.000		2.200.000	1.500.000	1.100.000		



TT		ban đầu cư	DVT	Theo Quyết định 298/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh			Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ tại Dự thảo NQ HĐND		
				Tỉnh	Huyện	Xã		Tỉnh	Huyện	Xã
-	Các thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban		Đồng/người/tháng	700.000	500.000	300.000	2.000.000	2.000.000	1.400.000	1.000.000
-	Thành viên các tiểu ban, các ban bầu cử còn lại		Đồng/người/tháng	700.000	500.000	300.000	1.800.000	1.800.000	1.300.000	900.000
-	Tổ chuyên viên giúp việc									
+	Tổ trưởng		Đồng/người/tháng				700.000	700.000	500.000	
+	Tổ phó		Đồng/người/tháng				600.000	600.000	400.000	
+	Chuyên viên giúp việc còn lại		Đồng/người/tháng				500.000	500.000	300.000	
b)	Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử.		Đồng/người/ngày	70.000			100.000	100.000	70.000	50.000
c)	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)		Đồng/người/ngày	100.000			150.000	150.000	100.000	100.000
5	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử									
a)	Trưởng ban, Phó trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử		Đồng/người/tháng	300.000	200.000	100.000	500.000	500.000	350.000	250.000
b)	Các thành viên Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban		Đồng/người/tháng	200.000	100.000	70.000	300.000	300.000	200.000	150.000
c)	Thành viên các tiểu ban; các ban bầu cử còn lại; tổ		Đồng/người/tháng	200.000	100.000	70.000	300.000	200.000	150.000	100.000

MỨC CHI

TT	NỘI DUNG CHI	ĐVT	MỨC CHI								
			Theo Quyết định 298/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh			Thông tư số 102/2020/TT-BTC	Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ tại Dự thảo NQ HĐND				
			Tỉnh	Huyện	Xã		Tỉnh	Huyện	Xã		
	chuyên viên giúp việc										
6	Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử	Đồng/người/buổi	60.000	60.000	50.000	50.000 - 80.000	80.000	60.000	50.000		
7	Chi phí hành chính cho công tác bầu cử										
a)	Chi khắc dấu	Đồng/dấu		150.000		250.000			250.000		
b)	Chi đóng hòm phiếu	Đồng/hòm phiếu		250.000		350.000			350.000		
c)	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử	Đồng/bảng				1.500.000			1.500.000		
8	Chi xây dựng, cấp nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử tỉnh.										Thực hiện theo quy định tại ND 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019
9	Chi công tác tuyên truyền in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử										Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu
10	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử										Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt
11	Chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử: văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử										Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt
12	Các nội dung chi liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid - 19										Thực hiện theo các văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch Covid - 19

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2021/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2021



NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan đến sử dụng nguồn kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 của tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Mức chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)

Điều 3. Thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử

1. Thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử: Thời gian theo thực tế phục vụ công tác bầu cử; Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử các cấp tối đa không quá 05 tháng; Ban bầu cử các cấp tối đa không quá 04 tháng; Tổ bầu cử: tối đa không quá 02 tháng. Riêng thời gian hỗ trợ đối với Tổ chuyên viên giúp việc tối đa không quá 02 tháng.

2. Thời gian hỗ trợ đối tượng trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử, cụ thể:

- a) Cấp tỉnh: Không quá 15 ngày.
- b) Cấp huyện: Không quá 05 ngày.
- c) Cấp xã: Không quá 05 ngày.

3. Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử (danh sách được hưởng hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền), thời gian được hưởng tối đa:

- a) Cấp tỉnh: không quá 05 tháng.
- b) Cấp huyện: không quá 04 tháng.
- c) Cấp xã (chỉ thực hiện hỗ trợ cho Trưởng ban chỉ đạo; Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng ban và Phó ban bầu cử): không quá 02 tháng

Điều 4. Kinh phí và trách nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bầu cử

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách các cấp đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách Trung ương và ngân sách cấp tỉnh đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách của từng cấp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương.

3. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy

động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

4. Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị được giao sử dụng kinh phí thực hiện bố trí kinh phí chi tiêu theo các nội dung tại Điều 1 cho phù hợp và đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

5. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ có mức bồi dưỡng khác nhau chỉ được hưởng một mức khoán bồi dưỡng cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo Nghị quyết, Quyết định thành lập được cấp có thẩm quyền.

6. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định chi tiêu tài chính hiện hành. Kết thúc bầu cử, trong vòng 30 ngày, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương gửi báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Đối với khối lượng công việc các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật NSNN.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CTHĐND.

Bản điện tử:

- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin Đại biểu dân cử Bắc Giang;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Thái

PHỤ LỤC
MỨC CHI PHỤC VỤ CHO CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM
KỲ 2021 – 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng 3 năm 2021
của HĐND tỉnh Bắc Giang)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng; chi tổ chức tập huấn phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 27 /2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
a)	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
-	Chủ trì cuộc họp:	Đồng/người/ buổi	200.000	150.000	100.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/ buổi	50.000	50.000	50.000
b)	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.		

-	Trưởng đoàn giám sát:	Đồng/người/ buổi	200.000	150.000	100.000
-	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	Đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/ buổi			
+	Phục vụ trực tiếp	Đồng/người/ buổi	80.000	60.000	50.000
+	Phục vụ gián tiếp	Đồng/người/ buổi	50.000	50.000	50.000
3	Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử				
a)	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử:		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		
b)	Chi xây dựng các văn bản liên quan đến công tác bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý), gồm: Kế hoạch; Chỉ thị; Nghị quyết; văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo sơ kết, tổng kết				
-	Xây dựng văn bản	Đồng/văn bản	2.000.000	1.400.000	900.000
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:		Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.		
+	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Đồng/ người/lần	Mức chi 100.000		
+	Xin ý kiến bằng văn bản các chuyên gia	Đồng/ người/lần	Mức chi 300.000		
4	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a)	Bồi dưỡng theo mức khoán (theo tháng) đối với các đối tượng sau:				
-	Trưởng Ban, Phó trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó chủ tịch	Đồng/người/ tháng	2.200.000	1.500.000	1.100.000

	Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử				
-	Các thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban	Đồng/người/ tháng	2.000.000	1.400.000	1.000.000
-	Thành viên các tiểu ban, các ban bầu cử còn lại	Đồng/người/ tháng	1.800.000	1.300.000	900.000
-	Tổ chuyên viên giúp việc				
+	Tổ trưởng	Đồng/người/ tháng	700.000	500.000	
+	Tổ phó	Đồng/người/ tháng	600.000	400.000	
+	Chuyên viên giúp việc còn lại	Đồng/người/ tháng	500.000	300.000	
b)	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử.	Đồng/người/ ngày	100.000	70.000	50.000
c)	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	Đồng/người/ ngày	150.000	100.000	100.000
5	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a)	Trưởng ban, Phó trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử	Đồng/người/ tháng	500.000	350.000	250.000
b)	Các thành viên Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban	Đồng/người/ tháng	300.000	200.000	150.000
c)	Thành viên các tiểu ban; các ban bầu cử còn lại; tổ chuyên viên giúp việc	Đồng/người/ tháng	200.000	150.000	100.000
6	Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử	Đồng/người/ buổi	80.000	60.000	50.000
7	Chi phí hành chính cho công tác bầu cử				
a)	Chi khắc dấu		Trường hợp dấu cũ không thể sử		

			dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.
b)	Chi đóng hòm phiếu		Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.
c)	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử		Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.
8	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành cổng thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử tỉnh.		Thực hiện theo quy định tại quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.
9	Chi công tác tuyên truyền, in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử; Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy nơi bầu cử, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu
10	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ

	bầu cử		trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt
11	Chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử: văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt
12	Các nội dung chi liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid -19		Thực hiện theo các văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch Covid - 19

TỈNH ỦY BẮC GIANG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2021

Số 167-TB/TU

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về chủ trương ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức chi và thời
gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội
khoá XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Tại phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường kỳ tổ chức ngày 26/02/2021, sau khi nghe Ban cán sự đảng UBND tỉnh trình bày dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (tại Tờ trình số 23-TTr/BCSD ngày 25/02/2021); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và kết luận:

Nhất trí chủ trương ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo báo cáo của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại Tờ trình số 23-TTr/BCSD nêu trên.

Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh căn cứ các quy định hiện hành, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Văn phòng UBND tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Được sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

1. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

1.1. Về thẩm quyền ban hành

Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

"1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 2 Thông tư này: Căn cứ mức kinh phí quy định tại Điều 3 Thông tư này, căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương đảm bảo theo thông báo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống nhất với Chủ tịch UBND cùng cấp trình HĐND cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi, thời gian được hỗ trợ cụ thể tại địa phương.

2. Đối với các nhiệm vụ chi có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã quy định: Căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo theo thông báo và quy định

tại Thông tư này, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi cụ thể tại địa phương”.

1.2. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với quy định pháp luật hiện hành

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp. Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp với nội dung được giao tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC; tuy nhiên, quy định về nội dung chi và mức chi tại điểm b, mục 2 phụ lục nghị quyết còn có điểm chưa phù hợp với Thông tư số 102/2020/TT-BTC như: Quy định chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban MTTQ tỉnh, trong đó các đối tượng phục vụ đoàn giám sát với mức chi cả 03 cấp là 50.000 đồng/người/buổi; tuy nhiên, điểm c khoản 3 Điều 3 Thông tư số 102/2020/TT-BTC quy định mức chi cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát chia thành 02 mức cho người phục vụ trực tiếp đoàn giám sát và phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo). Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh quy định này để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung của dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với nội dung được giao tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC.

4. Về trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết và ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

- Nghị quyết được xây dựng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

- Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản cơ bản đảm bảo phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

5. Nội dung của dự thảo Nghị quyết và những vấn đề cần xem xét, sửa đổi, bổ sung

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính, mức chi đối với cấp tỉnh cơ bản bằng tối đa của Thông tư số 102/2020/TT-BTC; đối với cấp huyện bằng khoảng 70% mức chi tại tỉnh; đối với cấp xã bằng khoảng 70% mức chi tại huyện. Tuy nhiên, để Nghị quyết được đầy đủ và chặt chẽ hơn, đề nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung vào tờ trình và dự thảo nghị quyết như sau:

5.1. Về Tờ trình của UBND tỉnh

- Bổ sung sự cần thiết và sửa thành "*Căn cứ quy định nêu trên, việc HĐND tỉnh ban hành nghị quyết ... là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015*".

- Đề nghị bổ sung, giải trình về sự cần thiết nội dung, mức chi khoán hỗ trợ bồi dưỡng và khoán cước phí điện thoại cho Ban chỉ đạo bầu cử và tổ chuyên viên giúp việc. Vì đây là nội dung chi đặc thù của tỉnh, Thông tư số 102/2020/TT-BTC không quy định nội dung này.

- Về cơ sở đề xuất mức chi đề nghị sửa lại như sau: "*... mức chi đối với cấp tỉnh bằng mức chi của Trung ương quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC; đối với cấp huyện bằng khoảng 70% mức chi tại tỉnh; đối với cấp xã bằng khoảng 70% mức chi tại huyện*" cho phù hợp khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh.

5.2. Về dự thảo Nghị quyết

- Tại khoản 2, Điều 3 đề nghị tăng thời gian hỗ trợ đối tượng trực tiếp phục vụ công tác bầu cử đối với cấp xã từ 03 ngày lên 05 cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tại khoản 2, Điều 5 bỏ cụm từ "*Quy định*" và sửa thành: "*Đối với khối lượng công việc các tổ chức, cơ quan, ... trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các tổ chức, ... địa phương căn cứ Nghị quyết này và ...*".

Về hiệu lực của Nghị quyết: Đề nghị ghi rõ "*Có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết*" theo quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Tại điểm b, mục 2 phụ lục Nghị quyết chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử, nội dung chi cho "Các đối tượng phục vụ" đoàn giám sát đề nghị chia thành 02 mức cho người phục vụ trực tiếp và phục vụ gián tiếp

đoàn giám sát để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, cụ thể như sau:

+ Phục vụ trực tiếp: Đối với cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 60.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

+ Phục vụ gián tiếp: Đối với cấp tỉnh 50.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

- Tại mục 8 của phụ lục Nghị quyết sửa thành: Chi xây dựng, cập nhật, vận hành cổng thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy mức chi và thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

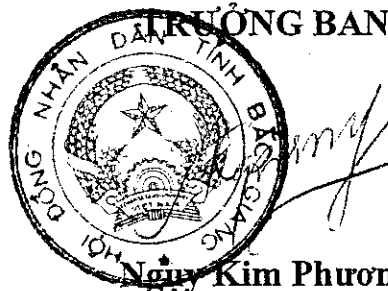
Nơi nhận:

- Lưu: VT, TH_P. Yên.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH



Nguyễn Kim Phương

Số: 27 /BC-STP

Bắc Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Sở Tư pháp nhận Công văn số 233/STC-QLNS ngày 27/01/2020 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết nêu trên và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh quy định tại tên gọi, Điều 1 dự thảo Nghị quyết “quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”; tuy nhiên, Điều 2 dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết quy định “**nội dung chi**”; khoản 1 Điều 4 quy định về **thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng** phục vụ công tác bầu cử. Như vậy, phạm vi điều chỉnh chưa đảm bảo bao quát nội dung dự thảo Nghị quyết, cũng như đảm bảo chính xác, thống nhất với nội dung được giao quy định chi tiết tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC¹.

Đối tượng áp dụng được thể hiện tại các điều trong nội dung dự thảo cơ bản đảm bảo chính xác, bao quát đầy đủ, thống nhất trong nội dung dự thảo Nghị quyết.

2. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản

3.1. Về thẩm quyền ban hành

Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1² Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

¹ ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

² HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”. Căn cứ nội dung dự thảo Nghị quyết, trường hợp này quy định chi tiết khoản 1 Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC.

3.2. Về nội dung

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa một số nội dung như sau:

3.2.1. Dự thảo Nghị quyết

- Phần căn cứ ban hành: đề nghị bổ sung một số văn bản là căn cứ ban hành là: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 – để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP³ vì các văn bản này có nội dung điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết.

- Phần nơi nhận: đề nghị sửa thành phần nhận văn bản “Văn phòng Quốc hội” thành “Vụ pháp luật - Văn phòng Quốc hội”; “Văn phòng Chính phủ” thành “Vụ pháp luật - Văn phòng Chính phủ”; “Bộ Tài chính” thành “Vụ pháp chế - Bộ Tài chính”; bổ sung thành phần nhận văn bản “Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH tỉnh”, “Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh” để đảm bảo phù hợp với quy định khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP⁴); Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015; Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH145 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3.2.2. Dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết

- Điều 1: + Khoản 1 quy định “Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo” là chưa đảm bảo rõ ràng, cụ thể - từ ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh đảm bảo hay theo phân cấp ngân sách nhà nước? Do đó, đề nghị quy định cụ thể nội dung này để đảm bảo thống nhất, thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

+ Khoản 2 quy định “Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách của từng cấp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Thường trực HĐND không có nhiệm vụ, quyền hạn này. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Điều 2 quy định “Nội dung chi”, trong đó, không có nội dung gì khác (nội dung chi đặc thù của địa phương) so với quy định tại Điều 2 Thông tư số 102/2020/TT-BTC – như vậy, đây cũng không thuộc phạm vi nội dung được giao quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này. Mặt khác, nội dung này trùng lặp

³ ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL.

⁴ ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⁵ ngày 18/9/2020 của UBTVQH khóa 14 về việc thành lập và quy định vị trí chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND cấp tỉnh.

với cột thứ hai tại biểu quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa theo hướng không quy định nội dung này.

- Điều 3: điểm b mục 2 biểu tại Điều này quy định chỉ công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, trong đó “Các đối tượng phục vụ” với mức chi cả 3 cấp là 50.000 đồng/người/buổi; tuy nhiên, điểm c khoản 3 Điều 3 Thông tư số 102/2020/TT-BTC quy định mức chi cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát chia thành 02 mức cho người phục vụ trực tiếp đoàn giám sát và phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo). Do đó, đề nghị nghiên cứu thêm đối với quy định này để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và đảm bảo tính hợp lý của quy định trong dự thảo Nghị quyết.

- Khoản 3 Điều 2, khoản 8 Điều 3 quy định “Chỉ xây dựng, cập nhật, vận hành **trang thông tin điện tử**” chưa chính xác theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3⁶ Quy chế tổ chức, quản lý hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang và các Cổng thông tin điện tử thành phần ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, theo đó là Cổng thông tin điện tử.

- Điều 4: + Tiêu đề Điều quy định thời gian được hưởng **hỗ trợ**, tuy nhiên nội dung tại khoản 1 của Điều quy định về thời gian hưởng chế độ **bồi dưỡng** phục vụ công tác bầu cử - như nội dung đã nêu tại mục 1 Báo cáo này. Bên cạnh đó, khoản 2 quy định thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử không thuộc nội hàm thời gian được hưởng **hỗ trợ** như tiêu đề Điều quy định. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa để đảm bảo chính xác, thống nhất giữa tiêu đề và nội dung của Điều.

- Điều 5: khoản 1 quy định “Quy định này thực hiện kể từ ngày ký” là không phù hợp với quy định tại khoản 1⁷ Điều 151 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020. Mặt khác, thời điểm có hiệu lực của văn bản đã được quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết. Do đó, đề nghị không quy định nội dung này để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các nội dung trong dự thảo văn bản QPPL.

4. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp với nội dung được giao tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 102/2020/TT-BTC; tuy nhiên, quy định về nội dung chi tại Điều 2 như đã nêu tại mục 1, mục 3 Báo cáo này.

5. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản cơ bản đảm bảo phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; tuy nhiên đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau: (i) phần ghi số thứ tự dự thảo Nghị quyết đề nghị bỏ từ “lần” để đảm bảo phù hợp với Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; (ii)

⁶ quy định “1. Cổng thông tin điện tử (sau đây viết tắt là Cổng TTĐT) bao gồm Cổng TTĐT tỉnh và các Cổng thành phần.”, “3. Cổng thành phần là Cổng trực thuộc Cổng TTĐT tỉnh, là nơi cung cấp thông tin chính thức về hoạt động của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng TTĐT tỉnh và các thông tin khác theo quy định của pháp luật. Cổng thành phần được giao cho các đơn vị quản lý và chịu trách nhiệm về nội dung.”

⁷ Thời điểm có hiệu lực đối với văn bản QPPL của HĐND tỉnh không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua.

căn cứ pháp lý thứ ba “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019” đề nghị bổ cục là căn cứ thứ hai (sau căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương); (iii) đề nghị thay thế ký hiệu “/” tại các căn cứ pháp lý bằng cách trình bày rõ ngày, tháng, năm ban hành văn bản để phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; (iv) chỉnh sửa cách trình bày số trang của dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết để phù hợp với Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; (v) Điều 1 dự thảo Quy định: nghiên cứu chỉnh sửa theo hướng bổ cục các khoản 1,2,3,4,7 thành một Điều quy định về kinh phí và trách nhiệm quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bầu cử; đồng thời bổ cục thành một điều gần cuối (trước Điều 5. Điều khoản thi hành); bổ cục khoản 5, 6 thành các khoản thuộc Điều khoản thi hành để đảm bảo tính hợp lý, logic của quy định; (vi) Điều 3 dự thảo Quy định: bổ cục chưa phù hợp với bổ cục khoản, điểm thuộc Điều theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Ngoài ra, căn cứ nội dung dự thảo văn bản, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa bổ cục theo hướng Nghị quyết quy định trực tiếp nội dung điều chỉnh (không ban hành Quy định kèm theo); đồng thời nội dung Điều 3 bổ cục thành phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết để đảm bảo tính phù hợp, logic, hợp lý của dự thảo văn bản.

6. Về điều kiện trình UBND tỉnh

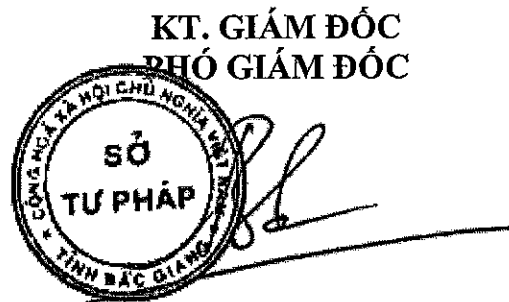
- Về trình tự, thủ tục: cơ bản đảm bảo các bước theo quy trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định; tuy nhiên chưa đảm bảo thời gian đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015⁸.

- Về nội dung: đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu chỉnh sửa nội dung đã nêu tại mục 1, tiểu mục 3.2 mục 3, mục 4, mục 5 Báo cáo này để đảm bảo tính phù hợp, chính xác, thống nhất của dự thảo văn bản QPPL trình UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu và gửi Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định theo quy định⁹./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng XD&KTrVB;
- Lưu: VT.



Trương Ngọc Bích

⁸ dự thảo này đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 18/01/2021 – chưa đủ 30 ngày tính đến ngày gửi đề nghị thẩm định.

⁹ theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020. Đồng thời, đây là tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020.

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

TÔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ
QUY ĐỊNH MỨC CHI VÀ THỜI GIAN HƯỞNG HỖ TRỢ PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA
XV VÀ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

TT	Đơn vị	Văn bản tham gia ý kiến	Nội dung tham gia	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1	Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Công văn số 429/MTTQ-BTT ngày 19/01/2021	Tách cụ thể nội dung và mức chi thành 02 điều: Điều 2. Nội dung chi và Điều 3. Mức chi; bổ sung mức chi các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử và mức chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; sửa mức chi cho công tác tiếp công dân từ ngày sang buổi	Đối với ý kiến tách cụ thể nội dung và mức chi thành 02 điều: Sở Tài chính đã tiếp thu, tuy nhiên Sở Tư pháp tham định đề nghị không quy định nội dung chi để tránh chồng chéo các nội dung trong văn bản; đối với ý kiến sửa mức chi cho công tác tiếp công dân từ ngày sang buổi: Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa. Đối với ý kiến bổ sung mức chi các cuộc họp khác liên quan đến bầu cử: Sở Tài chính không tiếp thu, do dự thảo Nghị quyết đã gộp chung vào 01 nội dung và mức chi các cuộc họp	
2	Sở Nội vụ	Công văn số 115/SNV-XDCQ&CTTN ngày 25/01/2021; Công văn số 161/SNV-XDCQ&CTTN ngày 02/02/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết; bổ sung nội dung, mức chi bồi dưỡng theo mức khoán và chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban và thành viên Ban chỉ đạo bầu cử các cấp	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa	

TT	Đơn vị	Văn bản tham gia ý kiến	Nội dung tham gia	Tiếp thu, giải trình	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
3	Huyện Lạng Giang	Công văn số 125/UBND-TCKH ngày 25/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
4	Huyện Lục Nam	Công văn số 129/UBND-TCKH ngày 26/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
5	Huyện Lục Ngạn	Công văn số 43/UBND-TCKH ngày 25/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
6	Huyện Yên Dũng	Công văn số 113/UBND-TH ngày 26/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
7	Huyện Yên Thế	Công văn số 93/UBND-TCKH ngày 25/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
8	Huyện Hiệp Hòa	Công văn số 160/UBND-TCKH ngày 27/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
9	Huyện Việt Yên	Công văn số 199/UBND-TCKH ngày 26/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
10	TP Bắc Giang	Công văn số 224/UBND-TCKH ngày 26/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
11	Huyện Tân Yên	Công văn số 132/UBND-KT ngày 26/01/2021	Nhất trí như dự thảo Nghị quyết		
12	Huyện Sơn Động		Không có ý kiến		



Ký bởi: Bộ Tài chính
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm -
Hà Nội
Thời gian ký: 30/11/2020 17:05:01 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện phân công số 06/HĐBCQG-CTĐB ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia về phân công soạn thảo và ban hành văn bản phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 1. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương.

3. Kinh phí phục vụ công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy

động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nội dung chi:

Kinh phí phục vụ cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được sử dụng chi cho các nội dung sau:

1. Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử.
2. Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:
 - a) Chi in ấn các tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử;
 - b) Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiêu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.
3. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia; chi trang thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.
4. Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử.
5. Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng.
6. Chi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử:
 - a) Chi phương tiện đi lại, công tác phí;
 - b) Chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu;
 - c) Chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử.
7. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.
8. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử:

- a) Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử;
- b) Chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử;
- c) Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu;
- d) Chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử;
- đ) Chi làm hòm phiếu bổ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bằng niêm yết danh sách bầu cử;
- e) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử;
- g) Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ và tính hình thực tế, các cơ quan, đơn vị được giao sử dụng kinh phí thực hiện bố trí kinh phí chi tiêu theo các nội dung trên đây cho phù hợp và đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Mức chi tại Trung ương

1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Riêng chi tổ chức các hội nghị do Hội đồng bầu cử quốc gia triệu tập áp dụng theo chế độ chi phục vụ kỳ họp Quốc hội gắn nhất đối với các nội dung: ăn, nghỉ, giải khát, bồi dưỡng đại biểu tham dự.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

- Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.
- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.
- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- a) Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.
- c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:
 - Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 80.000 đồng/người/buổi.
 - Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 50.000 đồng/người/buổi.
- d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:
 - Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia: 2.500.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia thực hiện theo khoản 2 Điều 14 Nghị Quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội, mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo: 600.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản:

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (Thông tư số 338/2016/TT-BTC);

b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 338/2016/TT-BTC liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn quốc do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Nội vụ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước):

- Xây dựng văn bản: 2.000.000 đồng/văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chính lý). Riêng báo cáo tổng kết cuộc bầu cử báo

cáo Quốc hội, mức tương đương soạn thảo Nghị quyết của Quốc hội (văn bản mới) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Bồi dưỡng theo mức/khoản/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban Hội đồng bầu cử quốc gia: Mức 2.200.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên thuộc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; thành viên các Tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 1.800.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia và Nghị quyết số 04/2020/HĐBCQG ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia) mức bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng đối với:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; thường trực tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thường trực giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

- Thành viên thuộc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

b) Trường hợp cần thiết, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động, mức khoán hỗ trợ tối đa không quá 300.000 đồng/người/tháng;

c) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết số 118/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia và Nghị quyết số 04/2020/HĐBCQG ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng bầu cử quốc gia có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ.

7. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

a) Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

8. Chi đóng hòm phiếu:

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.

9. Chi khắc dấu:

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

10. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

11. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia: Thực hiện theo quy định tại quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

12. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về dấu ấn.

13. Chi thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Văn phòng Quốc hội.

14. Các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định mức chi tại văn bản này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp với Văn phòng Quốc hội thống nhất quy định bổ sung; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành bằng văn bản để triển khai thực hiện.

Các trường hợp đặc biệt phát sinh vượt quá thẩm quyền của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia báo cáo Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định.

Điều 4. Mức chi tại địa phương

1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 2 Thông tư này; Căn cứ mức kinh phí quy định tại Điều 3 Thông tư này, căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương đảm bảo theo thông báo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.

2. Đối với các nhiệm vụ chỉ có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã quy định; Căn cứ mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương đảm bảo theo thông báo và quy định tại Thông tư này, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định về mức chi cụ thể tại địa phương.

3. Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Lập, chấp hành dự toán và hạch toán, quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Về lập dự toán:

a) Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Căn cứ nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được Hội đồng bầu cử quốc gia giao, căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, các

Bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì tổ chức các hoạt động bầu cử, xây dựng dự toán kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính.

b) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Căn cứ số lượng cử tri tại địa phương, căn cứ các chế độ chi tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Tổ bầu cử, Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã) xây dựng dự toán kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình gửi Ủy ban bầu cử cùng cấp tổng hợp gửi Ủy ban bầu cử cấp trên.

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Căn cứ số lượng Ủy Ban bầu cử các cấp; Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã); số tổ bầu cử; số thành viên thuộc các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử; số lượng cử tri tại địa phương; căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, tổng hợp, thẩm định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của địa phương gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính.

c) Trên cơ sở dự toán kinh phí do các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia xây dựng nguyên tắc, tiêu thức phân bổ kinh phí bầu cử cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương trình Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia tổng hợp phương án phân bổ kinh phí ngân sách trung ương bố trí cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức phục vụ bầu cử gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Về phân bổ và giao dự toán:

a) Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, Bộ Tài chính thông báo mức kinh phí bầu cử cho Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các Bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì tổ chức chuẩn bị bầu cử.

b) Căn cứ mức kinh phí bầu cử được Bộ Tài chính thông báo, căn cứ vào số cử tri có trên địa bàn, đặc điểm của từng vùng, khu vực, Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt phương án phân bổ kinh phí bầu cử và giao cho Sở Tài chính thông báo kinh phí bầu cử cho các cơ quan, tổ chức liên quan ở cấp tỉnh và các Ủy ban bầu cử cấp huyện. Ủy ban bầu cử cấp huyện quyết định phân bổ kinh phí và giao cho Phòng Tài chính thông báo kinh phí bầu cử cho các Ủy ban bầu cử cấp xã, Tổ bầu cử, Ban bầu cử và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn.

Trường hợp Ủy ban bầu cử cấp huyện được thành lập trên cơ sở đơn vị bầu cử có từ 2 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì trụ sở Ủy ban bầu cử cấp huyện làm việc thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nào thì Ủy ban bầu cử cấp huyện phân bổ dự toán kinh phí bầu cử về cơ quan tài chính quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đó.

3. Về tổ chức thực hiện dự toán, kiểm soát chi, tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí: Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước. Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

- a) Kinh phí bầu cử được hạch toán vào chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể theo mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành;
- b) Các Bộ, cơ quan, đơn vị ở trung ương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định chi tiêu tài chính hiện hành, cuối năm tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán năm của cơ quan, đơn vị mình;
- c) Các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định hiện hành.

Trường hợp Tổ bầu cử, Ban bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử công bố kết quả bầu cử mà công tác quyết toán kinh phí vẫn chưa hoàn tất thì Tổ trưởng Tổ bầu cử, Trưởng Ban bầu cử giao trách nhiệm và ủy quyền cho Ủy viên Tổ bầu cử, Ủy viên Ban bầu cử là đại diện Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính cùng cấp.

Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm kiểm tra xét duyệt quyết toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí phục vụ bầu cử; Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp kinh phí bầu cử đã sử dụng vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương và quyết toán với Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn Luật.

- d) Kết thúc hoạt động bầu cử, trong vòng 90 ngày, các Bộ, cơ quan trung ương và các Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 01 năm 2021.
2. Đối với khối lượng công việc của các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi văn bản này có hiệu lực, các Bộ, ngành, địa phương căn

cứ quy định tại văn bản này và chứng từ chỉ tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ tình hình thực tế, trường hợp cần bổ sung các chế độ chính sách liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid - 19, các bộ, ngành, địa phương thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch Covid - 19 đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phản ánh về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Tài chính đề xử lý kịp thời. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư;
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các hội, đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ HCSN (N.T.H.N/5b) /

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn